

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 688/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Mỹ Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Thành T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp RB, xã PL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2019 và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 29/11/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ Đ trình bày: Chị và anh Trương Thành T tự nguyện kết hôn năm 2007 và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, dần về sau vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Nay chị xét thấy hiện tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Thanh T, sinh năm 2009 hiện do chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có.

- Bị đơn anh Trương Thành T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung chị Đ khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Đ vắng mặt có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh T là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện NC, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/11/2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Đ cho rằng giữa chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn cự cãi, tình cảm không còn, sống không hạnh phúc và ly thân hơn 01 năm nay. Mặc dù hai gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không chung sống lại được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết chị Đ kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Đ đặt ra. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Chị Đ và anh T không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, có cơ sở cho rằng tình trạng mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Trương Thanh T, sinh năm 2009 hiện do chị Đ nuôi dưỡng. Qua nguyện vọng của cháu T muốn sống với mẹ là chị Đ, anh T không có ý kiến phản bác nên được xem như chấp nhận yêu cầu của chị Đ đặt ra. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Đ không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ. Cho chị Nguyễn Mỹ Đ được ly hôn với anh Trương Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thanh T, sinh ngày 03/5/2009 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị Đ không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị Đ phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002806 ngày 23/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn N, huyện NC, tỉnh Cà Mau (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên